

CUỘC KHỦNG HOẢNG CỦA TRẬT TỰ QUỐC TẾ BẢO THỦ*

MICHAEL C.WILLIAMS**

Cuộc khủng hoảng của *trật tự quốc tế tự do* (liberal international order) là câu chuyện chủ đạo của thế kỷ XXI, được chia sẻ trong giới học thuật, báo chí và các cuộc thảo luận chính sách, ảnh hưởng đến cách nhìn nhận về những căng thẳng toàn cầu và các quyết định chính trị. Hệ thống các tổ chức quốc tế, thị trường tự do và nhân quyền là những thành tựu của chủ nghĩa tự do, phản ánh ý tưởng và hành động của các cường quốc tự do. Tuy nhiên, chúng ta hiện đang phải đối mặt với cuộc khủng hoảng của trật tự quốc tế tự do, với sự kết hợp giữa chủ nghĩa dân túy quốc gia trong nước và các thể lực phi tự do trên trường quốc tế. Trật tự thời hậu Chiến tranh lạnh không chỉ được xây dựng bởi những người theo chủ nghĩa tự do, mà còn được xây dựng dựa trên vai trò của các chính phủ, chính trị gia và trí thức bảo thủ. Do đó, cuộc khủng hoảng hiện nay không chỉ là cuộc khủng hoảng của trật tự quốc tế tự do, mà còn là cuộc khủng hoảng của trật

tự quốc tế bảo thủ. Chủ nghĩa bảo thủ, từ vai trò là người ủng hộ, đã trở thành một trong những đối thủ mạnh nhất của *trật tự quốc tế tự do*.

Chủ nghĩa tự do thời hậu chiến

Các cuộc tranh luận về *trật tự quốc tế tự do* cho thấy, việc định nghĩa khái niệm này không dễ dàng. Giáo sư chính trị học thuộc Đại học Cambridge (Anh) Duncan Bell đã đưa ra một cách tiếp cận có ảnh hưởng sâu sắc để xử lý vấn đề này. Thay vì cố gắng tìm kiếm ý nghĩa cốt lõi hoặc bản chất đích thực của chủ nghĩa tự do trong suốt nhiều thế kỷ, ông đề xuất áp dụng cách tiếp cận theo ngữ cảnh, tập trung vào cách mà khái niệm này được định nghĩa và sử dụng trong một nhóm các tác nhân cụ thể, với các quan điểm, sở thích và trong bối cảnh lịch sử khác nhau.

Trong cuộc đối đầu căng thẳng với “chủ nghĩa toàn trị” từ những năm 1930-1950, chủ nghĩa tự do đã trở thành trung tâm của các diễn ngôn và đấu tranh địa chính trị. Trong giai đoạn này, với việc tái định hình “nền dân chủ tự do”, chủ nghĩa tự do được coi là “truyền thống tư tưởng đích thực nhất của phương Tây” (trước năm 1945) hoặc là “hệ tư tưởng cấu thành” (sau năm 1945). Về lý thuyết, chủ nghĩa tự do đã trở thành “hình thức thể tục của nền văn

* *International Affairs*, vol.101, iss.3, May 2025, pp.947-965

** *Giáo sư giảng dạy về các vấn đề công và quốc tế, Đại học Ottawa; giáo sư thỉnh giảng toàn cầu, Viện Khoa học xã hội và nhân văn, Đại học Queen Mary, London, Anh*

minh phương Tây” và là “hiện thân hiện đại của tất cả các truyền thống đặc trưng của chính trị phương Tây”, khẳng định “chủ nghĩa tự do chính trị đã có liên quan sâu sắc đến toàn bộ sự phát triển của văn hóa phương Tây”.

Chủ nghĩa tự do thời hậu chiến khác với chủ nghĩa tự do của thế kỷ XIX và chủ nghĩa Wilson tiến bộ đầu thế kỷ XX. Chủ nghĩa tự do thời hậu chiến phải đối mặt với “mặt tối của hiện đại” và trở nên “bảo thủ hơn”. Ngay từ năm 1956, Eric Goldman đã nhận xét rằng, chủ nghĩa tự do cuối những năm 1940 dần “biến thành một dạng chủ nghĩa bảo thủ”. Richard Pells cũng từng nhận định rằng, trong những năm 1950, nhiều người theo chủ nghĩa tự do đã tìm cách “trở nên bảo thủ thực sự”, một phần là để chống lại “chủ nghĩa bảo thủ giả tạo” của những người theo chủ nghĩa McCarthy (một thuật ngữ chỉ sự lạm dụng quyền lực và việc buộc tội một cách vô lý đối với những người bị nghi ngờ là cộng sản hoặc có tư tưởng trái chiều vào thập niên 1950 tại Mỹ). Cho dù các nhà sử học coi sự thay đổi về mặt tư tưởng này là điểm yếu hay điểm mạnh thì cũng khó có thể tranh cãi về tính đặc biệt của chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh - phần lớn nằm ở sự vướng mắc với chủ nghĩa bảo thủ.

Chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh nổi bật với những đặc điểm như: Chống cộng quyết liệt; ủng hộ các chính sách xã hội và thận trọng đối với việc mở rộng quyền lực trong nước của chính phủ; cam kết đối với các quyền tự nhiên (quyền được sống tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc) hoặc các nguyên tắc khác đặt quyền tự chủ của cá nhân lên hàng đầu; tin vào giá trị (ít nhất là công cụ) của tôn giáo và

truyền thống trong việc duy trì trật tự xã hội; ủng hộ có điều kiện đối với việc sử dụng vũ lực để duy trì trật tự quốc tế trước sự thay đổi mang tính cách mạng; kiểm chế chiến lược trong khuôn khổ chủ nghĩa hiện thực tự do, cũng như sự ủng hộ thị trường tự do có quản lý. Đây là những điểm nổi bật của chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh, giúp nó phân biệt với các hình thức trước đó; đồng thời, giúp những người bảo thủ sau chiến tranh tìm được tiếng nói chung với những người theo chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh.

Chủ nghĩa bảo thủ thời hậu chiến

Sự “hợp nhất” của chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa bảo thủ - vốn tạo thành nền tảng tư tưởng cho *trật tự quốc tế tự do* thời hậu chiến - không phải là thành tựu của riêng những người tự nhận mình là người theo chủ nghĩa tự do. Yếu tố quan trọng đối với sự hợp nhất này là những chuyển động song hành khiến chủ nghĩa bảo thủ thời hậu chiến trở nên dễ chấp nhận hơn với chủ nghĩa tự do được tái định nghĩa và từ đó ủng hộ *trật tự quốc tế tự do*.

Vào đầu thời kỳ hậu chiến, chủ nghĩa bảo thủ của Mỹ, bao gồm cả lập trường đối với các vấn đề quốc tế, là một hiện tượng phức tạp. Ít nhất là từ đầu những năm 1950, phe cánh hữu của Mỹ đã chịu ảnh hưởng mạnh mẽ bởi các lập trường ôn hòa, vốn đóng vai trò quan trọng trong việc hỗ trợ trật tự mới nổi. Những lập trường này được thể hiện rõ ràng qua Tổng thống D.Eisenhower, với chủ nghĩa quốc tế mạnh mẽ và sự chấp nhận có điều kiện đối với chủ nghĩa tự do New Deal, tất cả hội tụ trong khái niệm mà ông gọi là “chủ nghĩa cộng hòa hiện đại”. Tuy nhiên, đến giữa những năm

1950, nhiều người bảo thủ bắt đầu hoài nghi về việc thỏa hiệp với chủ nghĩa tự do, họ tìm cách tách biệt chủ nghĩa bảo thủ truyền thống khỏi chủ nghĩa bản địa, chủ nghĩa phân biệt chủng tộc, hình thành trung tâm là “chủ nghĩa hợp nhất”. “Chủ nghĩa hợp nhất” cho rằng, nếu sự hỗn loạn và chủ nghĩa cấp tiến vẫn tồn tại trong hàng ngũ của phe cánh hữu chống tự do, thì chủ nghĩa bảo thủ của Mỹ sẽ bắt lực nhìn nhà nước tự do tiến bộ mở rộng gần như không bị kiểm soát, với sự chấp thuận của các đồng minh bảo thủ ôn hòa.

“Chủ nghĩa hợp nhất” tìm cách kết hợp ba bộ phận của phong trào bảo thủ chống tự do, bao gồm: Những người theo chủ nghĩa thị trường tự do, chủ nghĩa truyền thống xã hội và những người theo chủ nghĩa chống cộng sản. Trong đó, nhóm chống cộng sản được coi là “chất keo” gắn kết mạnh mẽ nhất liên minh tư tưởng này, tạo nên xương sống chống chủ nghĩa biệt lập mạnh mẽ. “Chủ nghĩa hợp nhất” cũng thành công trong việc khiến những bộ phận quan trọng của phe cánh hữu tự do giảm bớt sự phản đối đối với vai trò của chính phủ trong nền kinh tế và chính sách xã hội. Thuyết phục các nhóm tôn giáo khác biệt, chủ yếu là đạo Tin lành và Công giáo rằng, cam kết chung của họ đối với các nguyên tắc bất khả xâm phạm và “nền văn minh phương Tây” quan trọng hơn những khác biệt về giáo lý. Hơn nữa, “chủ nghĩa hợp nhất” đã thuyết phục cả ba nhóm rằng, nếu không kết hợp lại với nhau thì chủ nghĩa cấp tiến tự do sẽ thống trị triển miên và dẫn đến sự thất bại trong Chiến tranh lạnh.

“Chủ nghĩa hợp nhất” phản đối mạnh mẽ nhiều chính sách tự do tiến bộ trong nước. Tuy

nhiên, điều quan trọng cần lưu ý là chủ nghĩa này phân lớn ủng hộ *trật tự quốc tế tự do*. Việc gạt ra ngoài lề phe cánh hữu cấp tiến đã loại trừ hầu hết những người theo chủ nghĩa biệt lập, chủ nghĩa bảo hộ kinh tế, chủ nghĩa dân tộc văn hóa và chủ nghĩa phân biệt chủng tộc phản đối *trật tự quốc tế tự do*. Ngược lại, ủng hộ thương mại tự do (dù có kiểm soát), chống cộng mạnh mẽ, bảo vệ các giá trị của “văn minh phương Tây”, niềm tin vào tầm quan trọng của các giá trị siêu việt hoặc phổ quát và quyền tự chủ của cá nhân là một trong số những đặc điểm nổi bật của “chủ nghĩa hợp nhất”. Mặc dù những người bảo thủ theo “chủ nghĩa hợp nhất” khác với những người theo chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh về các chi tiết cụ thể của các nguyên tắc chung này, nhưng họ vẫn tiếp tục hoạt động ở cấp độ quốc tế, và về cơ bản ủng hộ *trật tự quốc tế tự do*. Trong những năm trước và sau năm 2000, chủ nghĩa bảo thủ trở dậy qua vai trò của những người “tân bảo thủ”, có ảnh hưởng lớn đến chính sách đối ngoại, tuy nhiên, liên minh này không ổn định do việc kết hợp các yếu tố tân tự do và bảo thủ xã hội dễ đi theo các quỹ đạo khác nhau, kéo chủ nghĩa bảo thủ theo những hướng khác biệt.

Chủ nghĩa hợp nhất - từ cả hai phía

Những chuyển biến đồng thời trong chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh và chủ nghĩa bảo thủ hợp nhất đã tạo ra cái gọi là *chủ nghĩa hợp nhất kép* với sự ủng hộ rộng rãi về tư tưởng, bầu cử và thể chế đối với *trật tự quốc tế tự do*. Những người tự nhận là theo chủ nghĩa tự do và bảo thủ, cũng như hai đảng Dân chủ và Cộng hòa, thường bất đồng quan điểm trong các cuộc tranh luận chính trị. Tuy nhiên, các cuộc tranh

luận này diễn ra trong một khuôn khổ chung dễ nhận biết, trong đó *trật tự quốc tế tự do*, các nguyên tắc và chiến lược của nó có thể được tranh luận và đạt được thỏa hiệp, hoặc ít nhất có thể thừa nhận những nền tảng tương đối chung.

Chủ nghĩa hợp nhất kép có các đặc điểm đáng chú ý sau:

Thứ nhất, những người theo chủ nghĩa truyền thống tôn giáo, chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh (đã được cảnh tỉnh) cùng đồng thuận về tầm quan trọng của các quyền tự nhiên hay các quyền cơ bản của con người, dù họ có sự bất đồng về nền tảng và ý nghĩa của chúng. Đối với những người theo chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh, nguyên tắc về giá trị cuối cùng của cá nhân và nhu cầu bảo vệ nguyên tắc này trước những hành vi thái quá của chính trị tự do và tiến bộ, cũng như chủ nghĩa toàn trị là bài học lớn nhất của những năm 1930 và 1940. Ở một số người, điều này đã chuyển sang chủ nghĩa hiện sinh. Nhưng tất cả đều bác bỏ chủ nghĩa duy lý lạc quan hay chủ nghĩa tương đối mà họ cho là đặc điểm của chủ nghĩa tự do giai đoạn trước. Những chuyển biến này đã đưa chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh vào trong mối quan hệ khá chặt chẽ với chủ nghĩa bảo thủ.

Thứ hai, các nhà bảo thủ ôn hòa và những người theo chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh đều coi dân chủ là điều có giá trị nhưng “mong manh”. Những người theo chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh cho rằng, dân chủ dễ bị hủy hoại bởi sự nhiệt tình của quần chúng và các thể chế chính trị quần chúng (mass politics - chính trị quần chúng là hệ thống chính trị mà các đảng phái chính trị quần chúng nổi

lên, thường kết hợp với sự trỗi dậy của xã hội quần chúng. Các đảng phái này đại diện cho các bộ phận lớn của dân số, thể hiện lợi ích của nhiều nhóm khác nhau. Thuật ngữ này cũng mô tả việc nghiên cứu hành vi chính trị và dư luận trong dân chúng nói chung, bao gồm cả việc phân tích cách các cá nhân được thúc đẩy tham gia vào hành động chính trị). Những người theo chủ nghĩa tự do và các nhà bảo thủ ôn hòa có quan điểm khác nhau về vấn đề này. Hầu hết những người theo chủ nghĩa tự do giữ niềm tin vào những đức tính “tiềm tàng” hay thực tế của công chúng hiện đại, phản đối sự tập trung quyền lực vào tay giới tinh hoa kinh tế, và tin rằng chủ nghĩa tự do có những công cụ có thể giúp bù đắp những nguy cơ của dân chủ đại chúng. Những người theo chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh vẫn duy trì thái độ hoài nghi đối với dân chủ, khiến họ khác biệt với những người tiền nhiệm theo chủ nghĩa tự do tiến bộ. Những chủ đề này được những người bảo thủ ôn hòa đồng tình. Xét cho cùng, tầm quan trọng của các thể chế và văn hóa, cùng với sự nghi ngờ đối với dân chủ đại chúng là nền tảng lâu đời của tư tưởng và chính trị bảo thủ. Những người bảo thủ không đồng tình với những người theo chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh về các loại cấu trúc thể chế, loại hình văn hóa, nghệ thuật cần thiết để bảo vệ nền văn minh phương Tây. Tuy nhiên, không ai trong số họ có niềm tin vào chủ nghĩa cá nhân và lý trí mà họ gán cho chủ nghĩa tự do của các thế hệ trước. Cả hai đều kịch liệt bác bỏ các nền văn hóa dân tộc mà họ gắn với chủ nghĩa phát xít và chủ nghĩa cộng sản, coi văn hóa và thẩm mỹ là chiến trường quan

trọng, nơi diễn ra các cuộc đấu tranh địa chính trị vì cá nhân và nền dân chủ tự do.

Thứ ba, liên quan đến kinh tế chính trị. Đối với những người bảo thủ theo chủ nghĩa hợp nhất, một xã hội thị trường khả thi phải được bảo vệ khỏi cả phe cánh tả và những người theo chủ nghĩa bảo hộ và tự do cấp tiến ở cánh hữu. Các hình thức và mức độ điều tiết, can thiệp kinh tế, cũng như sự tham gia vào các thỏa thuận quốc tế luôn là chủ đề tranh luận giữa những người bảo thủ và giữa những người bảo thủ với những người theo chủ nghĩa tự do, nhưng cả hai đều đồng thuận về tầm quan trọng của các cơ chế thị trường và một hệ thống kinh tế toàn cầu ổn định được hỗ trợ bởi các thể chế quốc tế. Những người bảo thủ theo chủ nghĩa hợp nhất và những người theo chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh cũng có thể kết hợp để khẳng định quyền của tư bản và quyền sở hữu quốc tế trước những lời kêu gọi chiếm đoạt của chủ nghĩa xã hội và chống thực dân, cùng nhau phản đối các đề xuất như trật tự kinh tế quốc tế mới. Tất nhiên, bao trùm lên tất cả những điều này là chủ nghĩa chống cộng mạnh mẽ của những người theo chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh. Trật tự quốc tế “tự do” thực chất là sản phẩm của chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh, chịu ảnh hưởng của chủ nghĩa bảo thủ và chủ nghĩa bảo thủ hợp nhất. Những thỏa hiệp trong đó luôn là sự kết hợp giữa hoàn cảnh, niềm tin, lợi ích và xung đột, nhưng chúng tạo ra một mức độ gắn kết mang tính đa ý thức hệ và hỗ trợ trật tự quốc tế tự do. Sự ủng hộ này mạnh mẽ nhất dưới sự thống trị của chủ nghĩa bảo thủ “hiện đại” từ đầu những năm 1950 đến đầu những năm 1960, và tiếp

tục dưới hình thức chủ nghĩa bảo thủ hợp nhất từ giữa những năm 1960 đến những năm 1980. Tuy nhiên, nó vẫn có ảnh hưởng sâu rộng ngay cả sau năm 1989. Có lẽ ví dụ tiêu biểu nhất về tính liên tục này là chủ nghĩa tân bảo thủ.

Nhiều người là những người theo chủ nghĩa tự do nhưng mang quan điểm hiếu chiến thời Chiến tranh lạnh lại có khuynh hướng bảo thủ. Theo quan điểm của họ, đến cuối những năm 1960, cả phe cánh tả tự do và nhiều người bảo thủ đã không còn nhìn thấy các nguyên tắc của sự đồng thuận ban đầu thời Chiến tranh lạnh. Chủ nghĩa tân bảo thủ tự coi và tự định vị mình như một phiên bản cập nhật của những cam kết trước đó đối với các vấn đề như quyền con người phổ quát (universal rights), chủ nghĩa chống cộng sản mạnh mẽ, các giá trị văn hóa truyền thống cũng như vấn đề thúc đẩy dân chủ. Chủ nghĩa tân bảo thủ không hoàn toàn phản đối các thể chế đa phương, nhưng lại có thái độ thù địch với các thể chế bị coi là không thúc đẩy được các mục tiêu của họ hoặc cản trở quyền lực Mỹ.

Sự chia tách giữa chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa bảo thủ

Sự chia tách này có thể được tìm thấy trong các giá trị nền tảng, mối quan hệ giữa chủ nghĩa tự do và dân chủ, cấu trúc phù hợp của quan hệ kinh tế quốc tế, và địa chính trị của phương Tây. Các câu hỏi về “con người”, tôn giáo và “cuộc khủng hoảng hiện sinh của con người” đã chia tách chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa bảo thủ khi Chiến tranh lạnh kết thúc, tạo ra một chủ nghĩa cấp tiến mới (hoặc được hồi sinh) trong chủ nghĩa bảo thủ. Những người ủng hộ chủ nghĩa tự do thường tập trung vào các giá trị

nền tảng, nguồn gốc của cuộc khủng hoảng có niên đại ít nhất là vào cuối thế kỷ XIX, khi chủ nghĩa tự do tiến bộ thay thế các hình thức cổ điển. Trong suốt những năm 1970 và 1980, những lời chỉ trích này nhấn mạnh đến chủ nghĩa bài trừ thần tượng (iconoclasm) và chủ nghĩa tương đối mà họ liên kết với những năm 1960, khi chủ nghĩa khoái lạc và chủ nghĩa chủ quan (subjectivism) “quét sạch” sự kiểm chế và kỷ luật từng được những người bảo thủ và những người theo chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh đề cao. Gần đây, những chỉ trích đó chuyển sang nhấn mạnh vào cách thức mà chủ nghĩa tự do tập trung vào việc tái sáng tạo hình tượng cá nhân, xã hội và đạo đức có liên quan đến sự tích tụ quyền lực, văn hóa và pháp lý trong tay của giai cấp mới (New Class). Theo cách nhìn này, giới chuyên gia tự do và tinh hoa quản lý liên tục tiến hành các dự án kỹ trị mang tính xã hội tiến bộ để tái cấu trúc cuộc sống cá nhân và tập thể, đồng thời truyền bá “chủ nghĩa thức tỉnh” phi tự do nhằm áp đặt sự tuân thủ các giá trị tiến bộ thông qua các lệnh trừng phạt giữa các cá nhân, các tổ chức pháp lý quốc tế và các tổ chức phi chính phủ. Những người bảo thủ truyền thống bị cáo buộc là thông đồng với hệ thống tự do này, chỉ nói suông về các giá trị và thể chế truyền thống trong khi chính họ lại là một bên tham gia vào việc biến cá nhân và văn hóa thành hàng hóa, cũng như tham gia vào việc làm suy yếu các mối quan hệ xã hội truyền thống và lòng trung thành với quốc gia.

Cả những người theo chủ nghĩa tự do thời Chiến tranh lạnh và những người bảo thủ đồng thuận đều nhấn mạnh tầm quan trọng của các thể chế có thể bảo vệ nền dân chủ tự

do khỏi các phong trào dân chủ đại chúng phi tự do, một thành tựu đã đạt được trong việc gạt ra ngoài lề những người chỉ trích nó ở cả cánh tả và cánh hữu. Tuy nhiên, ngay cả sự đồng thuận đó cũng đã tan vỡ và phần lớn chủ nghĩa bảo thủ đương đại đang tham gia vào một cuộc tấn công trực diện vào ý tưởng rằng, chủ nghĩa tự do và dân chủ chỉ đơn giản là hai mặt của cùng một đồng xu. Các thể chế từng được coi là thành trì của sự ổn định thì nay bị nhiều người bảo thủ xem là thành trì của sự thống trị phản dân chủ của giới tinh hoa tự do và các đồng minh bảo thủ đồng thuận của họ. Các thể chế pháp lý quốc tế là mục tiêu cụ thể của sự thù địch này mặc dù không phải là duy nhất. Nói chung, các bộ máy hành chính nhà nước và các tổ chức quốc tế được phe cực hữu miêu tả như là một phần của “nhà nước hành chính” toàn cầu hóa, đang ngăn cản ý chí của người dân và hành động vì lợi ích của giới tinh hoa quản lý toàn cầu. Chủ nghĩa đa phương được xem như là đại diện cho mối đe dọa đối với nền dân chủ (quốc gia), chứ không phải là cơ chế để bảo vệ nền dân chủ. Các ý tưởng về chuyên môn và xây dựng thể chế hướng tới các mục tiêu xã hội chung, từng là một trong những công cụ tư tưởng mạnh mẽ nhất của *trật tự quốc tế tự do*, giờ đây lại là một trong những điểm yếu lớn nhất của nó.

Phản ứng dữ dội chống lại “toàn cầu hóa tự do” kinh tế là lĩnh vực thứ ba đặt ra thách thức đối với *trật tự quốc tế tự do*. Giống như nhiều người theo chủ nghĩa tự do, phe cánh hữu chống chủ nghĩa tân tự do cũng truy tìm nguồn gốc kinh tế của chủ nghĩa dân túy từ chiến thắng của chủ nghĩa tân tự do vào cuối

những năm 1970 và 1980. Trong khi những người bảo thủ tiếp tục tôn sùng kỷ nguyên Thatcher - Reagan vì đã đảo ngược tình thế bầu cử và thúc đẩy chính sách đối ngoại cứng rắn thời Chiến tranh lạnh, họ lại bác bỏ những điều mà họ cho là chủ nghĩa tân tự do đội lốt bảo thủ trong tiến trình toàn cầu hóa kinh tế. Sự ủng hộ không giới hạn của phe bảo thủ đối với thị trường tự do đã làm rạn nứt và xáo trộn các cộng đồng ổn định, các thể chế truyền thống, các giá trị của tôn giáo và gia đình, những điều mà lẽ ra họ phải bảo vệ. Thay vì chống lại sự thăng thế của chủ nghĩa tự do, chủ nghĩa bảo thủ đồng thuận lại góp phần làm nó vững mạnh thêm.

Ngược lại, sự trỗi dậy của chủ nghĩa dân tộc kinh tế và chủ nghĩa bảo thủ xã hội được ủng hộ bởi những nhân vật như Phó Tổng thống Mỹ JD Vance, đại diện cho sự trở lại của “chủ nghĩa bảo thủ thực sự”. Điều này đánh dấu một sự thay đổi quan trọng. Đối với phe cánh hữu, chủ nghĩa dân túy được coi là một sự phản ứng trước các biến động kinh tế cũng như sự phủ nhận của *trật tự quốc tế tự do* về tính hợp pháp và việc công nhận các bản sắc, cách sống và giá trị dân tộc “truyền thống”. Đây không phải là phản ứng mơ hồ trước sự biến động văn hóa hay nỗi sợ bị “bỏ lại phía sau”; ngược lại, nó đại diện cho sự hồi sinh của những ý tưởng bảo thủ đích thực vốn đã bị gạt ra ngoài lề trong nhiều thập kỷ bởi sự đồng thuận thời kỳ Chiến tranh lạnh và giờ đây cần phải bị loại bỏ.

Lập trường của Tổng thống D.Trump và các đồng minh của ông chỉ là bằng chứng nổi bật về sự rạn nứt của sự đồng thuận bảo thủ trước đây xung quanh thị trường quốc tế mở. Quan

điểm bảo hộ của D.Trump có thể được cổ vũ tại hầu hết các cuộc vận động tranh cử của ông, nhưng chúng đã bị chế giễu khi ông phát biểu tại một hội nghị tự do vào tháng 5-2024. Tại Vương quốc Anh, những căng thẳng tương tự đã chia rẽ Đảng Bảo thủ, sự rạn nứt này được thể hiện rõ nét tại các cuộc họp quốc tế sôi động và nổi bật nhất của các nhà hoạt động bảo thủ hiện nay như Hội nghị Hành động chính trị bảo thủ và Hội nghị Bảo thủ quốc gia. Các giải pháp thay thế do các nhà phê bình bảo thủ đề xuất không phải lúc nào cũng rõ ràng, nhưng một sự tập trung mới vào các chiến lược công nghiệp, sự can thiệp của nhà nước và các biện pháp hạn chế thương mại đã làm thay đổi đáng kể học thuyết kinh tế bảo thủ và sự ủng hộ của nó đối với *trật tự quốc tế tự do*. Chủ nghĩa tân trọng thương đã trở thành một đặc điểm chung của các lực lượng bảo thủ trên toàn thế giới, đặc biệt là tại khu vực “trung tâm Đại Tày Dương” gồm Bắc Mỹ và châu Âu. Lập trường này thường đi kèm với sự nghi kỵ hoặc thù địch đối với di cư, và với các quan điểm cho rằng tác động đan xen giữa dòng vốn tư bản toàn cầu với sự di cư hàng loạt đã làm suy yếu các cộng đồng “truyền thống” và các tập quán xã hội của họ.

Bác bỏ sự đồng thuận từng kéo dài từ những năm 1950 đến chủ nghĩa tân bảo thủ vào đầu thế kỷ XX, nhiều nhà phê bình bảo thủ đương đại khẳng định tính đặc thù của phương Tây. Văn hóa phương Tây không phải là tương lai của toàn nhân loại, cũng không phải là sản phẩm hợp lý của việc quản lý hiện đại, sự phụ thuộc lẫn nhau và sự phức tạp của xã hội. Thay vào đó, nó là sản phẩm của một nền văn hóa cụ thể (thường được gọi là “Do Thái - Cơ đốc

giáo”), chỉ tồn tại trong các xã hội nơi mà nền văn hóa đó có gốc rễ sâu xa và vẫn còn vang vọng. Trật tự chính trị này không mang tính phổ quát và cần được bảo vệ trước những đối thủ văn minh của nó. Trật tự này cũng cần được hồi sinh và bảo vệ khỏi chính chủ nghĩa tự do, thứ đang làm suy yếu sức mạnh trí tuệ, văn hóa và chính trị của nó. Theo quan điểm này, chủ nghĩa tự do - như đã phát triển trong những thập kỷ gần đây - là một trong những kẻ thù của phương Tây. Sự thống nhất giữa chủ nghĩa tự do và phương Tây, vốn từng là nền tảng hỗ trợ cho *trật tự quốc tế tự do*, đã bị phá vỡ ở một trong những nền tảng quan trọng của nó - chính là nền tảng bảo thủ.

Để giải quyết cuộc khủng hoảng của *trật tự quốc tế tự do*, điều quan trọng là chúng ta phải hiểu rõ bản chất của trật tự này và những thách thức mà nó đang đối mặt. Cả nền tảng của trật tự này và nguồn gốc của cuộc khủng hoảng đều rộng hơn những gì liên kết với một truyền thống tự do có thể nắm bắt được. Không chỉ chủ nghĩa tự do đang khủng hoảng mà những gì chúng ta phải đối mặt là một cuộc khủng hoảng của chủ nghĩa bảo thủ và trật tự quốc tế bảo thủ.

Hầu hết các cuộc thảo luận trong lĩnh vực quan hệ quốc tế đều có xu hướng truy nguyên cuộc khủng hoảng này về thời điểm kết thúc Chiến tranh lạnh. Sự thành công của trật tự này đã dẫn đến sự mở rộng quá mức vào các khu vực và quốc gia không phù hợp với các giá trị và thể chế tự do. Những quốc gia từng ở bên “ngoài” trật tự này đã phân nào bước vào bên “trong” ở các mức độ khác nhau và trở thành nguồn gốc của cuộc khủng hoảng. Cuộc khủng hoảng này là kết quả của việc các quốc gia và

thể chế tự do liên tục không thực hiện được các lời hứa, lý tưởng về bình đẳng và công lý.

Việc nhìn nhận nghiêm túc tình hình này đặt ra những thách thức cho các nhà phân tích quan hệ quốc tế. Ở cấp độ lý thuyết, nó đòi hỏi phải suy nghĩ lại một cách cơ bản về quan điểm của quan hệ quốc tế về chủ nghĩa tự do và vai trò của nó trong sự hình thành và duy trì *trật tự quốc tế tự do*. Liên quan đến điều đó, sự nổi bật của những thách thức bảo thủ đối với *trật tự quốc tế tự do* đặt ra một câu hỏi rõ ràng: Tại sao những động lực này lại không ảnh hưởng đến nhiều người trong lĩnh vực quan hệ quốc tế. Một phần câu trả lời nằm ở các khái niệm. Một trong những đặc điểm của lĩnh vực quan hệ quốc tế là không có vị trí đáng kể nào cho chủ nghĩa bảo thủ trong các khuôn khổ lý thuyết cạnh tranh. Thay vào đó, trong hơn nửa thế kỷ, các cuộc tranh luận lý thuyết chủ yếu trong lĩnh vực này là giữa chủ nghĩa tự do và chủ nghĩa hiện thực. Một số loại chủ nghĩa hiện thực có mối quan hệ rõ ràng với chủ nghĩa bảo thủ, khi tư duy hiện thực ngày càng bị các lý thuyết “cấu trúc” chi phối trong khoảng thời gian từ những năm 1980 trở đi, cuộc tranh luận đã thu hẹp lại thành vấn đề về chính trị quyền lực được xác định theo hệ thống và các hình thức khác nhau của chủ nghĩa tự do. Là một tập hợp các ý tưởng có ảnh hưởng và các hoạt động quan trọng trong lịch sử, chủ nghĩa bảo thủ thực sự gần như đã biến mất trong lĩnh vực quan hệ quốc tế. Do đó, việc không đánh giá được tác động của động lực chính trị bảo thủ đối với *trật tự quốc tế tự do* không chỉ là một “điểm mù tập thể” hay là hệ quả từ việc hầu hết các nghiên cứu về quan hệ quốc tế chưa từng

xem xét khả năng các lực lượng trong nước ở các quốc gia cốt lõi sẽ thách thức cơ bản *trật tự quốc tế tự do*; mà còn là sản phẩm của chính cấu trúc khái niệm của lĩnh vực này. Có một nhu cầu cấp thiết là phải xem xét kỹ hơn các cấu trúc và liên minh tư tưởng ủng hộ hoặc phá vỡ *trật tự quốc tế tự do* và việc đặt chủ nghĩa bảo thủ vào trung tâm là điều cần thiết. Vai trò lịch sử của chủ nghĩa bảo thủ trong việc xây dựng các bộ phận cụ thể của *trật tự quốc tế tự do* tại châu Âu, sự tương tác của nó với hệ thống quốc tế và động lực của sự phân chia hiện tại là những câu hỏi quan trọng cần tiếp tục nghiên cứu. Sự sụp đổ của trật tự tự do ngày nay phản ánh những vết nứt trong chính nền tảng bảo thủ của nó, điều được thể hiện rõ ràng trong sự trở dậy của phe cực hữu hoặc cực đoan ở châu Âu ngày nay, cũng như trong các chính sách của Chính quyền D.Trump đối với châu Âu.

Sự phân rã của *trật tự quốc tế tự do* tại trung tâm của nó đang ảnh hưởng đến các mối quan hệ này, cả ở Bắc bán cầu và Nam bán cầu, đồng thời mở ra nhiều cơ hội hơn cho các chương trình nghị sự thậm chí đối lập nhau, không giới hạn ở các hình thức của chủ nghĩa chủ quyền, chủ nghĩa khu vực và chủ nghĩa bản địa. Hơn nữa, sự tiếp nhận *trật tự quốc tế tự do* ở Nam bán cầu chưa bao giờ là toàn tâm, toàn ý. Nó phụ thuộc một phần vào việc thiếu các giải pháp thay thế, đặc biệt là trong giai đoạn sau Chiến tranh lạnh. Sự phân đối ý thức hệ mạnh mẽ đối với chủ nghĩa tự do vẫn tồn tại trên khắp Nam

bán cầu; trong khi các phong trào này thường có hoặc được miêu tả là có các hình thức “tiền bộ”, chúng cũng thường chứa các chiều hướng bảo thủ, cho phép dễ dàng thích nghi với những người chỉ trích bảo thủ cấp tiến về chủ nghĩa tự do ở các nơi khác trên thế giới, cũng như với các cường quốc như Nga và Trung Quốc. Điều gắn kết họ là sự phản ứng chống lại chủ nghĩa tự do và chống lại trật tự hợp nhất của thời hậu chiến. Cuộc khủng hoảng của trật tự quốc tế bảo thủ mang tính toàn cầu và cần một phân tích toàn cầu.

Chi tập trung vào chủ nghĩa tự do là chưa đủ để chẩn đoán những thách thức đối với *trật tự quốc tế tự do*. Nếu không có chiều hướng bảo thủ, khả năng tự vệ của *trật tự quốc tế tự do* sẽ bị suy yếu nghiêm trọng. Sự trở lại của chủ nghĩa bảo thủ tự do trong quá khứ ngày càng giống như một “tiếng còi báo động”, và ngay cả khi các đảng bảo thủ cấp tiến không giành được chính quyền, họ đã thành công trong việc thay đổi các cuộc tranh luận chính trị theo những cách làm suy yếu sâu sắc các mối quan hệ và liên minh trong nước và quốc tế trước đây trên khắp thế giới. Những người phản đối sự đồng thuận bảo thủ cũ cũng không có khả năng rút lại. Cuộc khủng hoảng của trật tự quốc tế bảo thủ là một trong những thách thức lớn nhất của thời đại chúng ta, và cần được nhìn nhận một cách nghiêm túc ■

ĐẶNG TRƯỜNG SƠN lược dịch
NGUYỄN THU HƯƠNG hiệu đính